

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/DS-ST
Ngày 21-02-2022
V/v tranh chấp hợp đồng góp hội
và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thu Thảo
2. Ông Lê Văn Thường

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Thành – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2021/TLST-DS ngày 18-10-2021, về việc tranh chấp về hợp đồng góp hội và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-DS ngày 10-01-2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964; địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- Bị đơn:

1/ Bà Võ Thị C, sinh năm 1963 (chết ngày 15-10-2021);

2/ Ông Lê Thành T, sinh năm 1964; địa chỉ: ấp P, xã M, huyện T, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

- *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Võ Thị C:*

1/ Ông Lê Thành T, sinh năm 1964 (vắng mặt).;

2/ Lê Thị M, sinh năm 2000 (vắng mặt);

3/ Lê Thị Như N, sinh năm 2005 (đại diện là ông Lê Thành T) (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp P, xã M, huyện T, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Nguyễn Thị L có tham gia 01 phần hui của dây hui 5.000.000 đồng do bà Võ Thị C làm chủ, hui gồm có 35 phần, mỗi tháng khai 01 lần, khai lần đầu vào ngày 10-6-2012. Bà L đóng đến kỳ thứ 31 tương đương số tiền 155.000.000 đồng, sau đó bà C không có khả năng chi trả nên bà L cho bà C chỉ trả số tiền hui gốc là 100.000.000 đồng, trả mỗi tháng 2.000.000 đồng, bắt đầu trả từ ngày 20-11-2018 đến ngày 20-01-2023, có làm giấy nợ. Bà C thực hiện theo giấy nợ, trả cho bà L đến ngày 20-7-2019 được số tiền 18.000.000 đồng thì ngưng luôn đến nay, còn nợ lại số tiền 82.000.000 đồng. Bà L yêu cầu bà C và ông T trả cho bà số tiền lãi và nợ gốc tạm tính đến ngày khởi kiện là 155.000.000 đồng.

Bị đơn bà Võ Thị C đã chết vào ngày 15-10-2021.

Theo bị đơn là ông Lê Thành T và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà C là ông Lê Thành T, các chị Lê Thị M, Lê Thị Như N khai thì ông T là chồng bà C, các chị M, N là con của ông T, bà C; những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà C hiện còn sống gồm có ông T, các chị M, N. Trước đây, ông T, các chị M, N có nghe bà C nói là có thiếu nợ hui bà L số tiền khoảng 90.000.000 đồng, nhưng bà C trả góp được khoảng 38.000.000 đồng. Số tiền nợ bà L khởi kiện, ông T, các chị M, N không biết, gia đình đang rất khó khăn, không có khả năng trả nợ cho bà L.

Kiểm sát viên phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị khắc phục vi phạm về tố tụng. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L; buộc bà L, ông T, chị M, chị N chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án Tranh chấp về hợp đồng góp hui và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại; bị đơn là bà Võ Thị C (đã chết), ông Lê Thành T cư trú tại huyện T, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là bà Võ Thị C đã chết, Tòa án đưa những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà C gồm ông T (đồng thời là bị đơn), chị M, chị N tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông T, các chị M, N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông T, các chị M, N.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung:

Hợp đồng góp hui bắt đầu thực hiện từ ngày 10-6-2012 và kết thúc trước ngày Bộ luật Dân sự 2015 có hiệu lực pháp luật. Đến ngày 03-10-2018, bà C viết giấy nợ cho bà L, theo đó thì bà L đồng ý cho bà C trả số tiền 100.000.000 đồng, trả mỗi

tháng 2.000.000 đồng. Bà C không thực hiện đúng theo giấy nợ nên phát sinh tranh chấp, Hội đồng xét áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết tranh chấp.

[3]. Về nội dung vụ án: Xét bà C có viết giấy nợ tiền hui bà L vào ngày 03-10-2018, nội dung bà L đồng ý cho bà C trả cho bà số tiền 100.000.000 đồng, trả mỗi tháng 2.000.000 đồng. Bà C trả cho bà L được số tiền 18.000.000 đồng, còn lại số tiền 82.000.000 đồng thì ngưng không trả nữa, kéo dài đến nay. Nay, bà L yêu cầu bà C và ông T trả số tiền vốn và lãi là 155.000.000 đồng.

Xét ông T không trực tiếp giao dịch tiền hui với bà L, nhưng giao dịch này diễn ra trong thời kỳ hôn nhân giữa ông T và bà C, ông T biết việc bà C có chơi hui với bà L, Hội đồng xét xử xác định số nợ trên là nợ chung của bà C và ông T. Do đó, ông T có trách nhiệm trả cho bà L $\frac{1}{2}$ số nợ, $\frac{1}{2}$ số nợ còn lại là của bà C, bà C đã chết nên những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà C là ông T, chị M, chị N có trách nhiệm trả cho bà L số nợ này trong phạm vi tài sản do bà C chết để lại.

Số tiền lãi mà ông T và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà C phải trả cho bà L được tính như sau:

Từ ngày 20-7-2019 đến nay là 31 tháng, mức lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật là 0,83%/tháng, tiền lãi là 21.098.600 đồng (82.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 31 tháng = 21.098.600 đồng).

Như vậy, số tiền vốn và lãi mà ông T và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng bà C phải trả cho bà L là 103.098.600 đồng (82.000.000 đồng + 21.098.600 đồng = 103.098.600 đồng).

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L buộc ông T trả cho bà L $\frac{1}{2}$ số tiền nợ trên là 51.549.300 đồng; ông T, các chị M, N trả cho bà L $\frac{1}{2}$ số tiền nợ là 51.549.300 đồng trong phạm vi tài sản do bà C chết để lại.

[4]. Đối với quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2021/QĐ-BPKTT ngày 06-8-2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước sẽ được thay đổi, áp dụng bổ sung hoặc hủy bỏ theo quy định tại các Điều 137, 138 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà L được Tòa án chấp nhận một phần, nên bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận; ông T, các chị M, N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của bà L đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định tại khoản 4 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Xét phân tích và đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 471, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 74, khoản 1 Điều 228, Điều 615 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

1. Buộc ông Lê Thành T trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 51.549.300 đồng (*năm mươi một triệu năm trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm đồng*).

- Buộc ông Lê Thành T, chị Lê Thị M, chị Lê Thị Như N (do ông T đại diện) liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 51.549.300 đồng (*năm mươi một triệu năm trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm đồng*) trong phạm vi tài sản do bà Võ Thị C chết để lại.

2. Việc thay đổi, áp dụng bổ sung hoặc hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2021/QĐ-BPKCTT ngày 06-8-2021 của Tòa án nhân dân

huyện Tân Phước được thực hiện theo quy định tại các Điều 137, 138 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Về án phí:

- Ông Lê Thành T phải chịu 2.577.500 đồng (*hai triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm đồng*); ông Lê Thành T, chị Lê Thị M, chị Lê Thị Như N (do ông T đại diện) liên đới chịu 2.577.500 đồng (*hai triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị L chịu 2.595.000 đồng (*hai triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng*), được khấu trừ được khấu trừ vào 3.875.000 đồng (*ba triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002765 ngày 14-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, như vậy hoàn lại cho bà L 1.280.000 đồng (*một triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng*).

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Bà L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông T, chị M, chị N (do ông T đại diện) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự:
- + NĐ: (01);
- + BĐ: (01);
- +NKTQVNVTT của bị đơn: (3);
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND. H. Tân Phước;
- Chi cục THADS. H. Tân Phước;
- Lưu HS, AV.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Mai Thanh Liêm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

